

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 64/2018/DS – ST

Ngày 14- 3 - 2018.

V/v tranh chấp “Hợp đồng góp
hụi”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sơn.
2. Ông Huỳnh Ngọc Sơn.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tơ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú: Ông Nguyễn Phú Quý – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2017/TLST–DS ngày 11 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp “Hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 352/2018/QĐST– DS ngày 21/02/2018 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** bà Đoàn Thị O, sinh năm 1967; địa chỉ: ấp AKA, xã AĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre, có mặt.

2. ***Bị đơn:*** chị Trần Thị D, sinh năm 1971; địa chỉ: ấp AKA, xã AĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre, có mặt.

3. ***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

3.1 Ông Mai Văn H, sinh năm 1968; địa chỉ: ấp AKA, xã AĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre. Ông H ủy quyền cho bà O tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 17 tháng 01 năm 2018.

3.2 Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1969; địa chỉ: ấp AKA, xã AĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre. Anh Đ ủy quyền cho chị D tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 02/01/2018

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án bà Đoàn Thị O đồng thời được sự ủy quyền của ông Mai Văn H trình bày:

Trước đây bà làm chủ hụi, chị D có tham gia 07 phần hụi tại 07 dây hụi. Sau khi hốt hụi chị D không góp lại cho bà, cụ thể:

- Dây hụi thứ 1: khui ngày 05/02/2011 âm lịch, mǎng hụi ngày 05/10/2013 âm lịch, dây hụi này có 33 phần, 33 hụi viên tham gia, hụi khui và hốt hàng tháng, mỗi phần hụi là 1.000.000 đồng; chị D tham gia một phần. Chị D kêu và hốt hụi ở phần thứ 24, lúc đó bà giao cho chị D số tiền 25.070.000 đồng, sau khi hốt hụi thì chị D không góp lại cho bà nên còn nợ lại 9 tháng x 1.000.000 đồng/phần = 9.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ 2: khui ngày 12/4/2011 âm lịch, mǎng hụi ngày 12/9/2014 âm lịch, dây hụi này có 42 phần, hụi khui và hốt hàng tháng, mỗi phần hụi là 500.000 đồng; chị D tham gia 01 phần. Chị D kêu và hốt hụi ở phần thứ 22, lúc đó bà giao cho chị D số tiền 16.000.000 đồng, sau khi hốt hụi thì chị D không góp lại cho bà nên còn nợ lại 18 tháng x 500.000 đồng/phần = 9.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ 3: khui ngày 15/9/2011 âm lịch, mǎng hụi ngày 15/5/2014 âm lịch, dây hụi này có 33 phần, hụi khui và hốt hàng tháng, mỗi phần hụi là 1.000.000 đồng; chị D tham gia 01 phần. Chị D kêu và hốt hụi ở phần thứ 15, lúc đó bà giao cho chị D số tiền 24.250.000 đồng, sau khi hốt hụi thì chị D không góp lại cho bà nên còn nợ lại 18 tháng x 1.000.000 đồng/phần = 18.000.000 đồng.

- Dây hụi 4: khui ngày 15/02/2012 âm lịch, mǎng hụi ngày 15/01/2015 âm lịch, dây hụi này có 35 phần, hụi khui và hốt hàng tháng, mỗi phần hụi là 500.000 đồng; chị D tham gia 01 phần. Chị D kêu và hốt hụi ở phần thứ 11, lúc đó bà giao cho chị D số tiền 12.750.000 đồng, sau khi hốt hụi thì chị D không góp lại cho bà nên còn nợ lại 24 tháng x 500.000 đồng/phần = 12.000.000 đồng.

- Dây hụi 5: khui ngày 20/6/2012 âm lịch, mǎng hụi ngày 20/2/2015 âm lịch, dây hụi này có 32 phần, hụi khui và hốt hàng tháng, mỗi phần hụi là 1.000.000 đồng; chị D tham gia 01 phần. Chị D kêu và hốt hụi ở phần thứ 07, lúc đó bà giao cho chị D số tiền 21.500.000 đồng, sau khi hốt hụi thì chị D không góp lại cho bà nên còn nợ lại 25 tháng x 1.000.000 đồng/phần = 25.000.000 đồng.

- Dây hụi 6: khui ngày 25/7/2012 âm lịch, mǎng hụi ngày 25/3/2015 âm lịch, dây hụi này có 33 phần, hụi khui và hốt hàng tháng, mỗi phần hụi là 500.000 đồng; chị D tham gia 01 phần. Chị D kêu và hốt hụi ở phần thứ 06, lúc đó bà giao cho chị D số tiền 11.050.000 đồng, sau khi hốt hụi thì chị D không góp lại cho bà nên còn nợ lại 27 tháng x 500.000 đồng/phần = 13.500.000 đồng.

- Dây hụi 7: khui ngày 10/10/2012 âm lịch, mǎng hụi ngày 10/12/2014 âm lịch, dây hụi này có 26 phần, hụi khui và hốt hàng tháng, mỗi phần hụi là 2.000.000 đồng; chị D tham gia 01 phần. Chị D kêu và hốt hụi ở phần thứ 04, lúc đó bà giao đủ tiền cho chị D, sau khi hốt hụi thì chị D không góp lại cho bà nên còn nợ lại 22 tháng x 2.000.000 đồng/phần = 44.000.000 đồng.

Tổng cộng chị Diễm còn nợ bà số tiền là 130.500.000 đồng, nhưng trước đây bà với chị D có thống nhất tính đến thời điểm bà khởi kiện thì chị D còn nợ bà là 128.500.000 đồng. Mục đích chị D chơi hụi với bà để làm ăn chung cho gia đình, cải tạo ao nuôi tôm công nghiệp. Khi chị D chơi hụi với bà thì chồng chị D là anh Nguyễn Văn Đ biết.

Số tiền 128.500.000 đồng là tài sản chung của bà với ông H nên tại phiên tòa bà yêu cầu chị D và anh Đ phải liên đới trả cho bà và ông H số tiền là 128.500.000 đồng, trả một lần, bà không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn Trần Thị D đồng thời được sự ủy quyền của anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Chị thừa nhận lời trình bày của bà O là đúng. Hiện nay chị và anh Đ còn nợ bà O số tiền là 128.500.000 đồng.

Mục đích chị chơi hụi, hốt hụi để vợ chồng chị làm vốn cải tạo ruộng nuôi tôm công nghiệp và sử dụng chung cho gia đình. Do nuôi tôm thua lỗ nên chị và anh Đ không có khả năng góp hụi (hụi chết) lại cho bà O.

Chị và anh Đ đồng ý liên đới với trả nợ cho bà O nhưng hiện nay kinh tế gia đình chị đang gặp khó khăn nên chị và anh Đ có yêu cầu được trả dần mỗi năm 10.000.000 đồng, trả cho đến khi hết số tiền 128.500.000 đồng. Nếu năm nào có thu nhập cao hơn thì chị và anh Đ sẽ trả nhiều hơn.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đúng qui định tại các Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa. Áp dụng các Điều 26, 35, 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị định 144/2016/NĐ - CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính Phủ qui định về họ, hụi, biếu, phường.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị O, buộc Trần Thị D và anh Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ liên đới giao trả cho bà O và ông H số tiền là 128.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp về hụi, họ, biếu phường” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn Trần Thị D và anh Nguyễn Văn Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hiện đang sinh sống và đăng ký hộ khẩu tại 114/3 ấp An Khương A, xã An Điền, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 33, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án: bà O khởi kiện yêu cầu chị D và anh Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà O và ông H số tiền hui là 128.500.000 đồng. Chứng cứ là sự thừa nhận của chị D về việc có tham gia chơi hui với bà O do bà O làm chủ hui và hiện nay còn nợ bà O, ông H số tiền 125.800.000 đồng. Đây là chứng cứ không cần phải chứng minh theo qui định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị D và anh Đ đồng ý trả số tiền 125.800.000 đồng cho bà O, ông H nhưng hiện nay kinh tế gia đình anh, chị đang gặp khó khăn nên yêu cầu trả dần mỗi năm 10.000.000 đồng, trả cho đến khi hết số tiền 128.500.000 đồng. Nếu năm nào có thu nhập cao hơn thì chị và anh Đ sẽ trả nhiều hơn.

[4] Xét yêu cầu của bà O, xét thấy: hợp đồng góp hui giữa bà O với chị D được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Do vậy làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên nên các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết. Quá trình thực hiện chị D và anh Đ đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận làm phát sinh tranh chấp. Lễ đó yêu cầu khởi kiện của bà O là có căn cứ nên cần buộc chị D và anh Đ có trách nhiệm trả cho bà O, ông H số tiền 128.500.000 đồng là phù hợp.

[5] Xét yêu cầu trả nợ dần của chị D và anh Đ, xét thấy: chị D và anh Đ hót hui nhiều lần và được bà O giao đủ tiền hui nhưng khi hót hui xong thì không thực hiện nghĩa vụ đóng hui chết cho bà O làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bà O trong một thời gian dài. Hiện chị D và anh Đ không chứng minh được kinh tế gia đình anh, chị đang gặp khó khăn và tại phiên tòa bà O không đồng ý với yêu cầu trả nợ dần của chị D và anh Đ nên yêu cầu trả nợ dần của chị D và anh Đ không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Chị Trần Thị D và anh Nguyễn Văn Đ phải liên đới nộp án phí theo quy định của pháp luật, được tính như sau: $5\% \times 128.500.000 \text{ đồng} = 6.425.000 \text{ đồng}$.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm b, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị định 144/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính

Phủ qui định về họ, họ, biếu, phường. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị O.

Buộc chị Trần Thị D và anh Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ liên đới giao trả cho bà Đoàn Thị O và ông Mai Văn H số tiền là 128.500.000 đồng (một trăm hai mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: chị Trần Thị D và anh Nguyễn Văn Đ phải liên đới nộp là 6.425.000 đồng (sáu triệu bốn trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

Bà Đoàn Thị O được Chi Cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.213.000 đồng theo biên lai thu số 0014183 ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày), kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- THADS huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Trần Thị Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nguyễn Văn Sơn– Huỳnh Ngọc Sơn

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Vân

